



**Phụ lục 2**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                                                                           | DỰ TOÁN NĂM 2020          |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                               | <b><u>103.203.541</u></b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                                                       | <b>44.917.527</b>         |
| <i>1</i>   | <i>Chi đầu tư XD CB</i>                                                                            | <i>43.317.527</i>         |
| <i>2</i>   | <i>Bổ sung vốn cho các quỹ và ủy thác ngân hàng chính sách cho vay giải quyết việc làm</i>         | <i>1.400.000</i>          |
| <i>3</i>   | <i>Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa</i> | <i>200.000</i>            |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                                                            | <b>48.420.640</b>         |
|            | <i>Trong đó: chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu</i>                                             | <i>393.136</i>            |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                                                 | 15.031.081                |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ                                                                          | 984.965                   |
| 3          | Chi quốc phòng                                                                                     | 1.087.306                 |
| 4          | Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội                                                               | 1.048.457                 |
| 5          | Chi y tế, dân số và gia đình                                                                       | 3.368.019                 |
| 6          | Chi văn hóa thông tin                                                                              | 854.579                   |
| 7          | Chi phát thanh, truyền hình                                                                        | 168.824                   |
| 8          | Chi thể dục thể thao                                                                               | 814.960                   |
| 9          | Chi bảo vệ môi trường                                                                              | 2.363.942                 |
| 10         | Chi các hoạt động kinh tế                                                                          | 10.451.533                |
| 11         | Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể                                                    | 7.660.086                 |
| 12         | Chi bảo đảm xã hội                                                                                 | 3.501.538                 |
| 13         | Chi sự nghiệp khác                                                                                 | 1.085.350                 |
| <b>III</b> | <b>Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>                                                | <b>662.000</b>            |
| <b>IV</b>  | <b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>                                                            | <b>10.460</b>             |
| <b>V</b>   | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                                                          | <b>2.360.873</b>          |
| <b>VI</b>  | <b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>                                                           | <b>6.832.041</b>          |